TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1380/2018/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 02 năm 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 2115/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978.
- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện P, tỉnh Hà Tây (nay thành phố Hà Nội).

Cùng tạm trú: Số 19B/1, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giữa bà H và ông H có ba người con chung tên:

- Nguyễn Quang H, sinh ngày 13/6/1999.
- Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 22/9/2002.
- Nguyễn Việt C, sinh ngày 31/7/2008.

Giao hai cháu L và C cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.500.000đ/ tháng, tổng cộng hai cháu là 3.000.000đ/tháng. Riêng cháu H đã trưởng thành có khả năng lao động không yêu cầu giải quyết.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 10/2018 đến khi hai cháu L và C trưởng thành và có khả năng lao động.

Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà H và ông H mỗi người phải nộp 75.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông H phải chịu 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, bà H tự nguyện nộp thay số tiền 225.000đ cho ông H; tổng số tiền bà H phải nộp là 300.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 009097 ngày 27 tháng 8 năm 2018. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND xã C, huyện P
Tỉnh Hà Tây (nay thành phố Hà Nội);
(Số 64/1997)
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Minh